

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST

Ngày: 02.12.2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đàm Nguyên Phượng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Mỹ L (Chị Sáu), sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 11, khu phố L, phường Ninh T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh, có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 07, tổ 4, ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án Bà Lâm Mỹ L là nguyên đơn trình bày:

Bà và bà N quen biết với nhau trong việc làm ăn mua bán vịt, bà cho bà N mượn tiền mua vịt và bà bán vịt thiếu cho bà N từ năm 2012, Đến ngày 28/8/2019 AL bà và bà N chốt nợ số tiền 57.600.000 đồng, bà N viết giấy nợ cho bà, trong giấy nợ bà N viết và ký tên nhận nợ số tiền 48.600.000 đồng, còn lại số tiền 9.000.000 đồng bà N viết nhưng không ký tên. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút một phần yêu

cầu khởi kiện số tiền 9.000.000 đồng, bà yêu cầu bà N trả số tiền 48.600.000 đồng, không tính lãi suất, bà không yêu cầu chồng bà N trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày tại biên bản ngày 20/10/2020:

Bà và bà Lâm Mỹ L quen biết nhau trong việc làm ăn, bà L, bà D là chị em, bà và chị em bà L làm ăn từ lâu, đến khoảng năm 2018 bà gặp khó khăn, nên thỉnh thoảng có thiếu bà L tiền gà vịt, thời gian gần đây do gia đình có chuyện nên bà vay tiền của bà L, nhưng chỉ vay có 10.000.000 đồng, đã trả góp hơn 10 ngày, ngày 200.000 đồng, bà có ký giấy chót nợ với bà L, nhưng nội dung không phải do bà ghi, bà xác nhận có nhận 10.000.000 đồng tiền mặt của bà L, ngoài ra bà còn nợ bà L tiền mua gà vịt, nhưng số tiền không nhiều. Bà xác định giấy nợ bà L cung cấp là chữ ký của bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Mỹ L buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho bà L số tiền 48.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bà Lâm Mỹ L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 9.000.000 đồng, bà yêu cầu bà N trả số tiền 48.600.000 đồng, không tính lãi suất, bà không yêu cầu chồng bà N trả nợ.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L cung cấp giấy mượn tiền lập ngày 28 tháng 8 năm 2019, ký tên N và ghi Nguyễn Thị Hồng N

Quá trình giải quyết bà N thừa nhận giấy nợ bà L cung cấp là chữ ký của bà, bà N cho rằng có nợ bà L tiền mặt 10.000.000 đồng và tiền mua bán gà vịt không nhiều, nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó căn cứ vào giấy nợ lập ngày 28 tháng 8 năm 2019 thì có cơ sở xác định bà N có nợ bà L số tiền 48.600.000 đồng. Xét yêu cầu của bà L yêu cầu bà N trả số tiền 48.600.000 đồng

(Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) là có căn cứ. Do đó cần buộc bà N trả cho bà L số tiền trên, không tính lãi suất. Ghi nhận bà L không yêu cầu chồng bà N trả nợ.

Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Mỹ L số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là có căn cứ

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Lâm Mỹ L thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Hồng N

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Mỹ L số tiền 48.600.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà L không yêu cầu chồng bà N trả nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Mỹ L thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu : Tập án , H/s.

Nguyễn Thị Minh Bình

**HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kim Linh – Hoàng Đình Ngân

Nguyễn Thị Minh Bình